TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2025/DS-PT
Ngày: 15/7/2025
Về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt
Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn
Bà Lê Thị Thu Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Nguyễn Yến Phương - Thẩm tra viên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2025/TLPT-DS ngày 08/5/2025 về "*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tranh chấp về thừa kế tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2025/DS-ST ngày 03/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Toà án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2080/2025/QĐXXPT-DS ngày 16/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long), giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Lê Văn L, sinh N 1966 (có mặt)

Địa chỉ: số 27/17, tổ 14, ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long).

- **Bị đơn**:

1. Ông Đỗ Thành T, sinh N 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã S1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bà Đỗ Ngọc H, sinh N 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã S1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- **Người có quyền lợi, N vụ liên quan**:

1. Ông Đỗ Văn V, sinh N 1940 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã S1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bà Mai Hoa Tuyết L, sinh N 1966 (*vợ ông Lê Văn L*). (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. Chị Lê Ngọc T, sinh N 1995 (*con ông Lê Văn L*). (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long).

- **Người kháng cáo**: Bị đơn ông Đỗ Thành T, bà Đỗ Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày:

Mẹ ông là bà Phan Thị Út H1 (Còn có tên Phan Thị H1, Phan Thị E), chết N 2013, không để lại di chúc. Lúc sinh thời bà cùng cha kế ông là ông Đỗ Văn V (Còn có tên Đỗ Thành N) có tạo dựng được phần đất diện tích 2.050m^2 gồm các thửa 273 (nay là thửa số 97, tờ bản đồ số 19), 307, 308, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa số 129, tờ bản đồ số 19), tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất số 283/1999 ngày 17/06/1999 do ông Đỗ Văn V đại diện hộ gia đình đứng tên.

Mẹ ông là bà H1 có tổng cộng 03 người con gồm: ông Lê Văn L, ông Đỗ Thành T, bà Đỗ Ngọc H. Mẹ ông có người cha ruột tên Phan Văn N1, đã chết N 1970, mẹ ruột tên Huỳnh Thị N2 sinh N 1902, đã chết N 1980.

Vào khoảng N 1994, khi ông L cưới vợ là bà Mai Hoa Tuyết L thì ông V, bà H có cho ông phần đất diện tích khoảng 200m^2 thuộc một phần thửa 307, tờ bản đồ số 03 (nay thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 19), tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre để cất nhà ra riêng. Lúc cho đất ông bà chỉ nói miệng và có chỉ phần đất nói trên để ông cất nhà ở, thời điểm này ông cũng không biết mẹ ông có đứng tên quyền sử dụng đất trên hay chưa, sau này ông mới biết là phần đất trên được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất số 283/1999, cấp ngày 17/06/1999 do ông Đỗ Văn V đại diện hộ đứng tên.

N 1999 đến N 2013, bà Phan Thị Út H1 đứng tên chủ hộ bao gồm các thành viên trong hộ khẩu là:

1. Bà Phan Thị Út H1 - chủ hộ
2. Ông Đỗ Văn V chồng chủ hộ
3. Ông Đỗ Thành T con chủ hộ
4. Bà Đỗ Ngọc H con chủ hộ.

Phần đất ông L được cho có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp phần đất ông Phạm Văn Đ, phía Nam giáp phần đất bà Đỗ Thị N, phía Đông giáp lộ Cầu Chùa, phía Tây giáp phần đất chùa Vân Sơn.

Sau khi ông L được cho đất, vào N 1994 ông cùng vợ là bà Tuyết L có cất lại căn nhà có hiện trạng nhà cột cây, vách lá, lợp lá ở cho đến nay. Hiện tại, gia đình ông có 03 nhân khẩu sống trên phần đất này gồm ông, vợ ông là bà Tuyết L và con ông là chị Lê Ngọc T. Thời điểm lúc mẹ ông còn sống, ông cất nhà ở, sau đó nhà ông hư vào N 1996, ông có cất lại căn nhà lá cột cây, lúc này ông Đỗ Văn V cũng không có ý kiến gì.

Trên phần đất này hiện nay được trồng khoảng 30 cây bưởi trên 03 N tuổi và một số cây nhãn khoảng 05 N tuổi. Số cây ăn trái này, lúc nhỏ do ông trồng, lớn lên thì ông T chăm sóc, hằng N ông T hưởng và thu hoạch trái. Trên phần đất đang có ngôi nhà của ông, nhà có kết cấu nền gạch, vách lá, mái lợp lá, được xây dựng có diện tích khoảng 70m^2. Đến tháng 7/2015, khi nhà ông xuống cấp không thể ở được nữa vì ông là con liệt sỹ, nên chính quyền địa phương tạo điều kiện hỗ trợ cho ông xây một căn nhà tình N trên phần đất ông đang ở để thờ cúng cha ông thì ông Đỗ Văn V đứng ra ngăn cản. Sự việc xảy ra ông có thỏa thuận với ông Đỗ Văn V nhưng không được. Ngày 30/5/2016 và ngày 30/12/2016, ông có làm đơn gửi đến Hội đồng H1 giải xã H1, xin được chia thừa kế phần tài sản của mẹ ông phần diện tích 200m^2, thuộc một phần thửa 307 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa số 129, tờ bản đồ số 19) để ông được tiếp tục ở trên phần đất này, nhưng ông Đỗ Văn V không đồng ý và cuộc H1 giải không thành.

Từ khi vụ việc xảy ra, ông vẫn là người ở trên phần đất và gần đây ông được biết phần đất này ông V đã cho ông T và bà H, cụ thể: ngày 26/10/2020, ông V làm hợp đồng tặng cho thửa đất số 307, 308 (thửa mới là 129), tờ bản đồ số 19, diện tích 803,2 m^2 cho ông T và ông T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/11/2020, số vào sổ CS09842. Cùng ngày 26/10/2020, ông V làm hợp đồng tặng cho thửa đất số 273 (thửa mới là 97), tờ bản đồ số 19, diện tích 1274,0 m^2 cho bà H và bà H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/11/2020, số vào sổ CS09843.

Phần đất mà trước đây ông V đứng tên đại diện hộ gia đình, trong đó có tài sản của mẹ ông là bà Phạm Thị Út H1 nhưng khi bà H1 mất, không có di chúc và các thửa đất trên chưa được chia thừa kế và ông là hàng thừa kế thứ nhất nhưng vẫn chưa nhận được phần di sản nào của mẹ ông để lại. Đồng thời, ông V đã tự ý tặng cho tài sản chung của ông V với mẹ ông cho ông T, bà H mà không có ý kiến của ông và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà H là không hợp lý.

Do đó, ông làm đơn đề nghị Tòa án xE xét, giải quyết việc phân chia di sản thừa kế của mẹ ông là bà Phan Thị Út H1 với các yêu cầu như sau:

- Yêu cầu chia theo pháp luật phần diện tích 2.050m^2 gồm các thửa 273 (nay thuộc một phần thửa số 97, tờ bản đồ số 19), 307, 308, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa số 129, tờ bản đồ số 19), tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre. Do đây là tài sản chung của vợ chồng, nên mẹ ông là bà Phan Thị Út H1 được sở hữu một nửa trên tổng số diện tích 2.050m^2 là 1.025m^2 đất. Do đó, ông yêu cầu chia thừa kế phần diện tích đất 1.025m^2 của mẹ ông cho 04 người hàng thừa kế thứ nhất gồm ông, ông V, ông T và bà H làm 04 phần bằng nhau và ông yêu cầu được nhận phần diện tích 256,25m^2, vị trí có tứ cận như trên, cùng căn nhà trên phần đất ông đang ở hiện tại thuộc một phần thửa 307, 308 tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 129, tờ bản đồ số 19), tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông L yêu cầu không nhận phần đất thửa 273 (nay thuộc một phần thửa số 97, tờ bản đồ số 19), tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho ngày 26/10/2020 giữa ông Đỗ Văn V với bà Đỗ Ngọc H thửa đất số 237 (thửa mới là 97), tờ bản đồ số 19, diện tích 1274m^2 và hủy hợp đồng tặng cho ngày 26/10/2020 giữa ông Đỗ Văn V với ông Đỗ Thành T thửa đất số 307, 308 (thửa mới số 129), tờ bản đồ số 19, diện tích 803,2m^2.

- Yêu cầu Tòa án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 129 (thửa cũ là 307, 308), tờ bản đồ số 19, diện tích 803,2 m^2 cấp cho ông Đỗ Thành T ngày 26/11/2020, số vào sổ CS09842 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 97 (thửa cũ là 273), tờ bản đồ số 19, diện tích 1274,0 m^2 cấp cho bà Đỗ Ngọc H ngày 26/11/2020, số vào sổ CS09843.

Theo biên bản làm việc ngày 31/01/2024 (bl 61), tờ tường trình ngày 22/02/2024 (bl 55, 56), biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 13/9/2024 (bl 126 đến 131)và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Thành T, bà Đỗ Ngọc H cùng có lời trình bày:

Ông, bà không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L bởi những lý do như sau: Ông L đã được ông Đỗ Văn V cho 01 thửa đất mà ông V mua giấy tay của ông Nguyễn Hữu Hng (ấp H, xã H1), diện tích khoảng 1.500m^2, đất này ở tại ấp H, xã H1, huyện C gần ranh đất của bà Đỗ Ngọc H.

- Đối với ngôi nhà trên thửa đất số 307, 308 (thửa mới số 129), tờ bản đồ số 19, diện tích 803,2m^2 hiện cất trên đất của ông T xuất phát là nền căn chòi giữ vườn của ông T, sau này bị hư nên ông L mua căn nhà bằng cây cũ về dựng trên nền căn chòi trên phần đất của ông T, ông T yêu cầu ông L tháo dỡ di dời trả lại đất cho ông T.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi, N vụ liên quan ông Đỗ Văn V (Đỗ Thành N) có lời trình bày:

Ông không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của ông L. Lý do: trước khi vợ ông mất vợ chồng ông có thống nhất với nhau rồi. Chia cho Đỗ Thành T thửa 129 (9), Đỗ Ngọc H thửa 273 (19), Lê Văn L phần đất mua của ông Lê Hữu Hng, giáp ranh với phần đất của Đỗ Ngọc H. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi, N vụ liên quan bà Mai Hoa Tuyết L, chị Lê Ngọc T không có lời trình bày về nội dung tranh chấp và đề nghị xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Theo văn bản xác nhận ngày 13/01/2025 và văn bản xác nhận không thừa kế ngày 13/01/2025, bà Đỗ Tuyết Sương có lời trình bày:

Bà xác nhận mẹ bà là Phan Thị E (mẹ sau) có thống nhất với ba bà là ông Đỗ Văn V cho E bà là ông Đỗ Thành T phần đất hiện nay ông L đang ở. Ngoài ra, bà có nghe ba bà cho cậu ba (Lê Văn L) phần đất mua của Út Thu (Nguyễn Văn Hng), cậu tư Đỗ Thành T là phần Lê Văn L đang ở gần nhà cô N Kiếm, dì út Đỗ Ngọc H phần giáp ranh đất Lê Văn L. Bà xác nhận không yêu cầu nhận thừa kế của ba bà là ông Đỗ Văn V và mẹ sau là bà Phan Thị E đã mất. Lý do: Bà có chồng và con riêng ở Vĩnh Long trước khi ba mẹ bà tuyên bố với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2025/DS-ST ngày 03/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Toà án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long) đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn L.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/10/2020 giữa ông Đỗ Văn V với bà Đỗ Ngọc H đối với thửa đất số 237 (thửa mới là 97), tờ bản đồ số 19, diện tích 1274m^2 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/10/2020 giữa ông Đỗ Văn V với ông Đỗ Thành T đối với thửa đất số 307, 308 (thửa mới số 129), tờ bản đồ số 19, diện tích 803,2 m^2 vô hiệu một phần.

Chia thừa kế cho ông Lê Văn L phần đất có diện tích 267,3m^2 thuộc thửa 129 tách theo họa đồ thửa đất cùng căn nhà trên phần đất được nhận thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(*Có kết quả tách thửa đất kèm theo là bộ phận không thể tách rời của bản án*).

Buộc ông Lê Văn L có N vụ thanh toán lại cho ông Đỗ Văn V, ông Đỗ Thành T và bà Đỗ Thị Ngọc H số tiền 12.725.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự N 2015.

Buộc ông Lê Văn L có N vụ tháo dỡ, di dời phần nhà ở hiện trạng diện tích 17,7m^2 và nhà vệ sinh có kết cấu tường xây bằng gạch chưa tô, nền láng xi măng,

mái lợp tole fibro xi măng diện tích 6,3m^2 theo họa đồ thửa đất (thể hiện theo Đề nghị 03/ĐN-TA ngày 19/3/2025) để giao lại đất cho ông Đỗ Thành T.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/11/2020, số vào sổ CS09842 đối với thửa đất số 307, 308 (thửa mới là 129), tờ bản đồ số 19, diện tích 803,2m^2, tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre để cấp lại cho ông Lê Văn L cho phù hợp với phần quyết định của bản án.

2. Ghi nhận việc ông Lê Văn L không yêu cầu được nhận thừa kế thửa 273 (nay thuộc một phần thửa số 97, tờ bản đồ số 19), tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/4/2024, bị đơn bà Đỗ Ngọc H, ông Đỗ Thành T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà Đỗ Ngọc H, ông Đỗ Thành T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Nguyên đơn ông Lê Văn L không đồng ý với nội dung đơn kháng cáo của ông T, bà H; yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và N vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; xét kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Ngọc H, ông Đỗ Thành T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Đỗ Ngọc H, ông Đỗ Thành T kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xE xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Ông Đỗ Văn V, bà Mai Hoa Tuyết L, chị Lê Ngọc T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà L, chị T.

[2] Về nội dung:

Bà Đỗ Ngọc H, ông Đỗ Thành T kháng cáo không đồng ý chia thừa kế cho ông Lê Văn L phần đất thuộc thửa 273 (nay thuộc một phần thửa số 97, tờ bản đồ số 19), 307, 308, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa số 129, tờ bản đồ số 19), tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long). Xét kháng cáo của bà H, ông T nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn trình bày bà H1 chết N 2013, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015; các Điều 149, 623 Bộ luật Dân sự N 2015, Điều 4 Nghị quyết số 02/2016 ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thời hiệu yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 N, do đó yêu cầu chia di sản của ông L còn thời hiệu.

[2.2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bà H1 có con chung với ông Lê Văn Dư (Liệt sỹ) là ông Lê Văn L; có con chung với ông Đỗ Văn V là ông Đỗ Thành T và bà Đỗ Ngọc H; còn bà Đỗ Tuyết Sương là con riêng của ông Đỗ Văn V. Ngoài ra, bà H1 không có cha mẹ nuôi, con nuôi. Cha mẹ ruột của bà H1 hiện đã mất. Theo trình bày của các đương sự ông V và bà H1 kết hôn N 1976. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự 2005, hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 gồm ông V, L, ông T và bà H.

[2.3] Về xác định di sản và phân chia di sản:

Theo Công văn cung cấp dữ liệu đất đai số 1635/CNCL-TTLT ngày 11/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thể hiện:

- Thửa đất 273, 307, 308, tờ bản đồ gốc số 3, địa chỉ thửa đất: xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) được Ủy ban nhân dân huyện C cấp lần đầu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 550305-002007, cấp ngày 17/06/1999, tên người sử dụng Đỗ Văn V.

- Theo bản đồ chính quy:

+ Thửa 273 thay đổi thành thửa 97, tờ bản đồ số 19. Ngày 26/11/2020, thửa đất số 97 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CS09843, tên người sử dụng Đỗ Ngọc H (nhận tặng cho).

+ Thửa 307, 308 thay đổi thành thửa 129, tờ bản đồ số 19. Ngày 26/11/2020, thửa đất số 129 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CS09842, tên người sử dụng Đỗ Thành T (nhận tặng cho).

Quá trình giải quyết vụ án, ông L trình bày nguồn gốc các thửa đất do bà H1, ôngV tạo lập; bà H trình bày nguồn gốc thửa đất do ông V là bộ đội đi chiến trường Miền Đông nên sau khi về địa phương được địa phương cấp cho miếng đất (diện tích 803m^2) và 01 miếng đất do ông bà nội để lại (1.274m^2), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng

đất số 283/1999, cấp ngày 17/06/1999 cho hộ ông Đỗ Văn V. Thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất N 1999, hộ ông V gồm ông V, bà H1, ông T và bà H. Khi đó, ông T (sinh N 1979) được 20 tuổi, bà H (sinh N 1980) được 19 tuổi nhưng không có công sức đóng góp gì đối với phần đất này. Căn cứ quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai N 2013, Điều 102, 212 Bộ luật Dân sự có quy định: Tài sản chung của các thành viên hộ gia đình là tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên. Như vậy, theo quy định trên, có căn cứ xác định các thửa 273 (nay thuộc một phần thửa số 97, tờ bản đồ số 19), thửa 307, 308, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa số 129, tờ bản đồ số 19), tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) là tài sản của ông V, bà H1.

Theo Đơn xin xác nhận ngày 14/8/2023 (bl 18), bà H1 kết hôn với ông V N 1976, không có đăng ký kết hôn, căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình N 1959 "Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới". Bà H1 chết N 2013, do đó, di sản của bà H1 là ½ quyền sử dụng các thửa đất trên (tổng diện tích các thửa đất qua đo đạc thẩm định là 2.077,2m^2). Ông V tặng cho 2 thửa đất trên cho ông T, bà H là có phần di sản của bà H chưa được chia. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/10/2020 giữa ông Đỗ Văn V với bà Đỗ Ngọc H thửa đất số 237 (thửa mới là 97), tờ bản đồ số 19, diện tích 1274m^2 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/10/2020 giữa ông Đỗ Văn V với ông Đỗ Thành T thửa đất số 307, 308 (thửa mới số 129), tờ bản đồ số 19, diện tích 803,2m^2 vô hiệu một phần là có cơ sở.

Bà H1 chết N 2013, không để lại di chúc, do đó di sản của bà H1 được chia thừa kế theo pháp luật. Do bà Sương là con riêng của ông V và tự nguyện có văn bản không nhận thừa kế nên Toà án cấp sơ thẩm chia di sản của bà H1 thành 04 kỷ phần là phù hợp.

Xét thấy, gia đình ông L hiện tại đang ở trên phần đất thuộc một phần thửa 307, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 129, tờ bản đồ số 19), tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long). Vì vậy Toà án cấp sơ thẩm xE xét cho ông L được nhận phần đất thửa 129 tách, diện tích 267,3m^2 theo Họa đồ thửa đất là phù hợp. Tuy nhiên, theo kỷ phần mỗi người được chia phần đất diện tích là 259,65m^2. Vì vậy, ông L phải có N vụ Hn lại giá trị đất chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Theo Biên bản xE xét thẩm định tại chỗ ngày 11/6/2024 (bl 78-79), Biên bản định giá tài sản ngày 11/6/2024 (bl 80-82), Họa đồ thửa đất (thể hiện theo Đề nghị 03/ĐN-TA ngày 19/3/2025): giá đất cây lâu N: 500.000 đồng/m^2, đất ở: 750.000 đồng/m^2. Thửa 97, tờ bản đồ số 19, có diện tích 1274m^2, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu N; thửa 129, tờ bản đồ số 19, diện tích 803,2m^2, (gồm thửa

129 tách, diện tích 267,3m^2, có 148,1m^2 đất ở tại nông thôn; thửa 129 còn lại, diện tích 535,9m^2, có 151,9m^2 đất ở tại nông thôn).

Phần đất ông L được nhận có giá trị: (119,2m^2 x 500.000 đồng) + (148,1m^2 x 750.000 đồng) = 170.675.000 đồng.

01 kỷ phần của bà H có giá trị: ([(1274m^2 + 503,2m^2) x 500.000 đồng] + [300m^2 x 750.000 đồng])/2)/4 = 139.200.000 đồng.

Như vậy, ông L có N vụ Hn trả lại cho ông V, ông T và bà H số tiền 31.475.000 đồng giá trị chênh lệch giữa giá trị quyền sử dụng đất ông L được nhận và giá trị 01 kỷ phần của bà H1 (Toà án cấp sơ thẩm tính ra số tiền ông L phải Hn lại là 12.725.000 đồng là chưa chính xác). Ông L có N vụ tháo dỡ, di dời phần nhà ở hiện trạng diện tích 17,7m^2 và nhà vệ sinh diện tích 6,3m^2 theo Họa đồ thửa đất (thể hiện theo Đề nghị 03/ĐN-TA ngày 19/3/2025).

Do thửa đất số 307, 308 (thửa mới là 129), tờ bản đồ số 19, diện tích 803,2 m^2 hiện ông T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/11/2020, số vào sổ CS09842 vì vậy cần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc điều chỉnh 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để cấp lại cho ông L là phù hợp.

Từ những phân tích trên, thấy rằng bị đơn ông T và bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới có giá trị chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và bà H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T và bà H mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Thành T, bà Đỗ Ngọc H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2025/DS-ST ngày 03/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Toà án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long).

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 612, 613, 649 và 650 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình N 1959; khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai N 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn L.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/10/2020 giữa ông Đỗ Văn V với bà Đỗ Ngọc H đối với thửa đất số 237 (thửa mới là 97), tờ bản đồ số 19, diện tích 1274m^2 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/10/2020 giữa ông Đỗ Văn V với ông Đỗ Thành T đối với thửa đất số 307, 308 (thửa mới số 129), tờ bản đồ số 19, diện tích 803,2 m^2 vô hiệu một phần.

Chia thừa kế cho ông Lê Văn L phần đất có diện tích 267,3m^2 thuộc thửa 129 tách theo họa đồ thửa đất cùng căn nhà trên phần đất được nhận thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long).

(*Có kết quả tách thửa đất kèm theo là bộ phận không thể tách rời của bản án*).

Buộc ông Lê Văn L có N vụ thanh toán lại cho ông Đỗ Văn V, ông Đỗ Thành T và bà Đỗ Thị Ngọc H số tiền 31.475.000 đồng (ba mươi mốt triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự N 2015.

Buộc ông Lê Văn L có N vụ tháo dỡ, di dời phần nhà ở hiện trạng diện tích 17,7m^2 và nhà vệ sinh có kết cấu tường xây bằng gạch chưa tô, nền láng xi măng, mái lợp tole fibro xi măng diện tích 6,3m^2 theo họa đồ thửa đất (thể hiện theo Đề nghị 03/ĐN-TA ngày 19/3/2025) để giao lại đất cho ông Đỗ Thành T.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/11/2020, số vào sổ CS09842 đối với thửa đất số 307, 308 (thửa mới là 129), tờ bản đồ số 19, diện tích 803,2m^2, tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) để cấp lại cho ông Lê Văn L phần đất ông L được nhận phù hợp với phần quyết định của bản án.

Ông Lê Văn L có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đăng ký đất đai để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm:

Ông Đỗ Thành T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba

trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009575 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6-Vĩnh Long).

Bà Đỗ Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009574 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6-Vĩnh Long).

4. Về chi phí tố tụng: tổng cộng là 6.235.450 đồng (sáu triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm N mươi đồng), ông L, bà H, ông T và ông V mỗi người chịu một phần tương đương 1.558.862 đồng (một triệu, N trăm N mươi tám nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng), buộc bà H, ông T và ông V mỗi người có N vụ trả lại cho ông L số tiền 1.558.862 đồng (một triệu, N trăm N mươi tám nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 6-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 6-Vĩnh Long;
- Phòng GĐKT,TT&THA T. Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạt